

**CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG  
CÔNG TRÌNH TÂN CẢNG**

Số: **94** /BC-XDCT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. Thủ Đức, ngày 18 tháng 4 năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **Thường niên năm 2022**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

#### **I. Thông tin chung/General information.**

##### **1. Thông tin khái quát/General information.**

- Tên giao dịch/*Trading name*: CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TÂN CẢNG.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/*Business Registration Certificate No.*: 0304941312.
- Vốn điều lệ/*Charter capital*: 90.000.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Owner's capital*: 90.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ/*Address*: 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM.
- Số điện thoại/*Telephone*: 028 22 537 368.
- Số fax/*Fax*: 028 22 537 386.
- Website: không có.
- Mã cổ phiếu (nếu có)/*Securities code (if any)*: XDC.
- Quá trình hình thành và phát triển/*Establishment and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/*Date of establishment, time of listing, and development milestones since the establishment until now*).

+ Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Tân Cảng tiền thân là đơn vị Công binh Hải quân. Để đáp ứng nhu cầu và nhiệm vụ Quốc phòng - Kinh tế, ngày 18/04/1996 theo đề nghị của Bộ tư lệnh Hải quân, Bộ Quốc phòng ra quyết định số 512/QĐ-QP thành lập Công ty Xây lắp Hải công, sát nhập lực lượng từ Trung đoàn Công binh 83 và Trung đoàn công binh 131 thuộc Quân chủng Hải quân gồm cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có năng lực tổ chức thi công, có bề dày kinh nghiệm và nhiều trang thiết bị máy móc hiện đại. Ngày 18/04 hàng năm được coi là kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống chính thức công ty.

+ Ngày 23/11/2022, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho Công ty được đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở.

+ Ngày 01/12/2022 là ngày đầu tiên cổ phiếu Công ty được đưa vào giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Các sự kiện khác/*Other events*:

##### **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/Business lines and locations of the business:**

- Ngành nghề kinh doanh/*Business lines*: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major lines*

of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years):

- + Xây dựng, sửa chữa công trình thủy; nạo vét cảng sông, cảng biển;
- + Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển, chi tiết: cho thuê máy móc cầu bở.

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*):

Địa bàn hoạt động kinh doanh tại các tỉnh Quảng Nam, Khánh Hoà, Vũng Tàu, TP. HCM.

### **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/Information about governance model, business organization and managerial apparatus**

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp)/*Governance model (as stipulated in Article 137 of the Law on Enterprises)*.

Mô hình quản trị Công ty: Đại hội đồng cổ đông - Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát - Giám đốc. Giám đốc là người đại diện pháp luật.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/*Management structure*.

+ Chủ tịch hội đồng quản trị: 01 Chủ tịch.

+ Ban giám đốc gồm: Giám đốc và 02 phó Giám đốc.

+ Công ty có 07 phòng gồm: Phòng Tổ chức Lao động Tiền lương, Phòng Kế hoạch kinh doanh, Phòng Tài chính kế toán, Phòng Kỹ thuật thi công, Phòng Hành chính Hậu cần, Phòng Vật tư thiết bị, Phòng Dự án Đầu thầu.

- Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/*Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership percentages of the Company in such subsidiaries, associated companies*): Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

### **4. Định hướng phát triển/Development orientations:**

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/*Main objectives of the Company*.

+ Tiếp tục phát huy kết quả đã đạt được nhằm tận dụng và phát huy tối đa giá trị thương hiệu của Công ty, củng cố, tích tụ lực lượng sản xuất để tạo ra sự thay đổi về chất, về quy mô trong toàn Công ty, nâng cao năng lực thi công, tạo ra sức cạnh tranh lớn trên thị trường, khẳng định thương hiệu Công ty trong việc thi công xây dựng các công trình cầu cảng, công trình thủy, các công trình dân dụng và công nghiệp.

+ Phát triển tập trung vào các ngành nghề chính đã chọn, Công ty sẽ sắp xếp các đơn vị và phân công chuyên môn hóa, tập trung vào chuyên ngành phù hợp với năng lực, sở trường, kinh nghiệm và xây dựng quy mô đủ lớn để tạo ra thế cạnh tranh.

+ Nâng cao chất lượng dịch vụ xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp, tiết giảm chi phí, bảo đảm trật tự, an toàn và bảo vệ môi trường, đáp ứng kịp thời, đầy đủ nhu cầu xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp, tăng khả năng cạnh tranh của Công ty, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/*Development strategies in medium and long term.*

+ Tập trung nguồn lực phát triển ngành nghề kinh doanh chính là thi công các công trình cầu cảng, công trình thủy, thủy lợi và giao thông. Bổ sung ngành nghề kinh doanh có liên quan, để hỗ trợ ngành nghề kinh doanh chính, tận dụng các lợi thế, nguồn lực của Công ty.

+ Xây dựng kế hoạch phát triển 5 năm sau cổ phần thành công, tận dụng nguồn nhân lực có chuyên môn. Đẩy mạnh hơn nữa việc mở rộng thị trường, tìm kiếm các đối tác tiềm năng, tích cực liên danh, liên kết để nâng cao hơn nữa năng lực tiếp cận các dự án lớn có yêu cầu kỹ thuật cao. Tiếp tục khai thác các đối tác bạn hàng truyền thống theo hướng đôi bên cùng có lợi và đúng pháp luật.

+ Sàng lọc, lựa chọn 20% nhân sự có trình độ chuyên môn tốt, có tâm huyết và trách nhiệm với công việc, với đơn vị để cử tham gia các lớp huấn luyện đào tạo của cán bộ chỉ huy phòng để tạo nguồn nhân lực kế cận.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/*Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.*

+ Xây dựng chiến lược, định hướng sản xuất kinh doanh, phát triển của Doanh nghiệp giai đoạn 5 năm từ 2022-2026 sau khi chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty cổ phần.

+ Phát triển tập trung vào các ngành nghề chính đã chọn, Công ty sẽ sắp xếp các đơn vị và phân công chuyên môn hóa, tập trung vào chuyên ngành phù hợp với năng lực, sở trường, kinh nghiệm và xây dựng quy mô đủ lớn để tạo ra thế cạnh tranh.

+ Tăng cường ứng dụng các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực xây dựng nhằm phục vụ tốt công tác thi công xây lắp và sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực thi công xây dựng các công trình thủy công cảng biển, công trình giao thông. Phát triển thêm lĩnh vực xây dựng công nghiệp và dân dụng, sản xuất vật liệu xây dựng.

**5. Các rủi ro/Risks: (Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh, ...)/Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).**

+ Nguồn vốn vẫn là khó khăn chính, mang yếu tố khách quan đối với Công ty, vì vậy Công ty phải vay vốn ngắn hạn để phục vụ sản xuất kinh doanh.

+ Quá trình tái cơ cấu và kế hoạch cổ phần hóa doanh nghiệp ít nhiều ảnh hưởng đến tâm lý người lao động trong Công ty.

+ Chế độ chính sách của nhà nước thường xuyên thay đổi, thị trường có nhiều biến động, ảnh hưởng không nhỏ tới thanh quyết toán công trình, quản lý sản xuất, tiết kiệm chi phí của Công ty.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm/*Operations in the Year***

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/*Situation of production and business operations***

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year*: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp,... /*specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc.*

Năm 2022 Tổng doanh thu năm 2022: 279,82 tỷ đồng, Lợi nhuận trước thuế năm 2022: 9,56 tỷ đồng và Lợi nhuận sau thuế năm 2022: 7,64 tỷ đồng.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/*Implementation situation/actual progress against the plan*: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề/*Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/excess of the targets and against the preceding years*.

+ Tổng doanh thu năm 2022: 279,82 tỷ đồng đạt 65,7% KH năm, giảm 15,9% so với năm 2021.

+ Lợi nhuận trước thuế năm 2022: 9,56 đồng đạt 76,8% KH năm, giảm 16,8% so với năm 2021.

+ Lợi nhuận sau thuế năm 2022: 7,64 tỷ đồng đạt 76,7% KH năm, giảm 18,9% so với năm 2021.

## 2. Tổ chức và nhân Sự/*Organization and Human resource*

- Danh sách Ban điều hành/*List of the Board of Management*: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/*List, curriculum vitae and ownership percentage of the Company's voting shares and other securities by the Company's General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers*).

+ Ông Phạm Văn Tiến – Chủ tịch được bổ nhiệm từ ngày 18/02/2022, tỷ lệ sở hữu cổ phần biểu quyết là 36,00%.

+ Ông Nguyễn Chí Dũng – Thành viên HĐQT – Giám đốc Công ty, được bổ nhiệm ngày 01/3/2020, tỷ lệ sở hữu cổ phần biểu quyết là 25,00%.

+ Ông Trần Văn Sang – Phó giám đốc, được bổ nhiệm ngày 18/02/2022.

+ Ông Phạm Đình Hưng – Phó giám đốc, được bổ nhiệm ngày 21/02/2020.

+ Ông Nguyễn Văn Tiếp – Kế toán trưởng, được bổ nhiệm ngày 10/11/2021.

- Những thay đổi trong ban điều hành/*changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(*List the changes in the Board of Management in the year*).

+ Ông Phạm Văn Tiến – Phó giám đốc được bổ nhiệm Chủ tịch từ ngày 18/02/2022.

+ Ông Trần Văn Sang – Chủ tịch được bổ nhiệm Phó giám đốc từ ngày 18/02/2022.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/*Number of staffs. Brief information and changes on the employee's policies*.

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có tổng cộng là 101 người: bao gồm 01 chủ tịch, 01 Giám đốc, 02 Phó giám đốc, 5 trưởng phòng, 5 phó phòng và 87 nhân viên.

## 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/*investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/*Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/(*specify major investments implemented for the year (including financial investments and project investment), the implementation progress of major projects. If*

the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets: Trong năm Công ty không phát sinh.

b) Các công ty con, công ty liên kết/Subsidiaries, associated companies: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies): Trong năm Công ty không phát sinh.

#### 4. Tình hình tài chính/Financial situation

##### a) Tình hình tài chính/Financial situation

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm/ % change
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/Total asset	239.040.791.462	228.679.332.033	-4,33
Doanh thu thuần/Net revenue	329.569.672.165	279.406.839.384	-15,22
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Profit from business activities	9.586.318.662	9.186.797.814	-4,17
Lợi nhuận khác/Other profits	1.906.751.866	380.409.091	-80,05
Lợi nhuận trước thuế/Profit before tax	11.493.070.528	9.567.206.905	-16,76
Lợi nhuận sau thuế/Profit after tax	9.433.380.332	7.648.245.524	-18,92
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/Payout ratio	-	-	-
<i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/Total asset value			
Doanh thu/Revenus			
Thuế và các khoản phải nộp/Taxes and payables			
Lợi nhuận trước thuế/Before tax profit			
Lợi nhuận sau thuế/After tax profit			

- Các chỉ tiêu khác/ Other figures: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/ depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years).

##### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ Major financial indicators:

Chỉ tiêu/ <i>Indicators</i>	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú/Note
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/Solvency ratio</b> + Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> : Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn ( <i>Short term Asset/Short term debt</i> ) + Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i> : Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn <i>Short term Asset – Inventories/Short term Debt</i>	1,44 lần	1,47 lần	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/capital structure Ratio</b> + Hệ số Nợ/Tổng tài sản ( <i>Debt/Total assets ratio</i> ) + Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu ( <i>Debt/Owner's Equity ratio</i> )	0,62 lần 1,66 lần	0,61 lần 1,54 lần	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/Operation capability Ratio</b> + Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i> : Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân ( <i>Cost of goods sold/Average inventory</i> ) + Vòng quay tổng tài Sản/ <i>Total asset turnover</i> : Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân ( <i>Net revenue/ Average Total Assets</i> )	4,95 lần 1,23 lần	17,44 lần 1,19 lần	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Profitability</b> + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần ( <i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i> ) + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu ( <i>profit after tax/ total capital Ratio</i> ) + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản ( <i>profit after tax/ Total assets Ratio</i> ) + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần ( <i>Profit from business activities/ Net revenue Ratio</i> )	0,03 lần 0,10 lần 0,10 lần 0,03 lần	0,03 lần 0,08 lần 0,03 lần 0,03 lần	

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/*For credit institutions and non-bankfinancial institutions*:

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/Shareholders structure, change in the owner's equity.**

a) Cổ phần/*Shares*: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyên nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyên nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan

trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, the Company's Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries:

Tổng số lượng cổ phần đang lưu hành và chuyển nhượng tự do là 8.200 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure: Nếu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/Specify shareholders structure by ownership percentages (major, minority shareholders); institutional and Individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders; foreign shareholder's maximum percentages:

Công ty có 2 cổ đông lớn là cổ đông tổ chức, trong đó có 01 cổ đông nhà nước và 114 cổ đông nhỏ là cá nhân. Không có cổ đông nước ngoài, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là 0%.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/Change in the owner's equity: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị cấp)/specify equity increases including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, Issuance of bonus shares, shares dividend, etc.

Trong năm Công ty không phát sinh.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ Transaction of treasury stocks: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties.

Trong năm Công ty không phát sinh.

e) Các chứng khoán khác/Other securities: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/Specify other securities issues conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issues.

Trong năm Công ty không phát sinh.

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company

### 6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/Total direct and indirect GHG emission

Trong năm Công ty không phát sinh.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/ Measures and initiatives to

*reduce GHG emission.*

Trong năm Công ty không phát sinh.

**6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:**

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/*The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

Trong năm Công ty không phát sinh.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/*The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

Trong năm Công ty không phát sinh.

**6.3. Tiêu thụ năng lượng/Energy consumption:**

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/*Energy consumption - directly and indirectly.*

Trong năm Công ty sử dụng tổng cộng 246.644 lít xăng dầu nhớt các loại.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/*Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

Trong năm Công ty không phát sinh.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/*The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

Trong năm Công ty không phát sinh.

**6.4. Tiêu thụ nước:** (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/*Water consumption (water consumption of business activities in the year).*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/*Water supply and amount of water used.*

Trong năm Công ty không thống kê.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/*Percentage and total volume of water recycled and reused.*

Trong năm Công ty không thống kê.

**6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/Compliance with the law on environmental protection:**

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

Trong năm Công ty không vi phạm các quy định về môi trường.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*the total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

Trong năm Công ty không phát sinh.

**6.6. Chính sách liên quan đến người lao động/Policies related to employees**



a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

Tổng số lao động bình quân trong năm là 98 người, mức lương trung bình 13,43 triệu đồng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

Cán bộ công nhân viên được khám sức khoẻ định kỳ 1 lần/năm. Trang bị đầy đủ đồ bảo hộ, phúc lợi người lao động đảm bảo đầy đủ theo quy định và quy chế của Công ty.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Employee training*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

Trong năm Công ty không thống kê số giờ đào tạo, tuy nhiên Công ty đã tổ chức cho nhân viên tham gia các khoá huấn luyện đào tạo về chuyên ngành theo các khoá huấn luyện chung của hệ thống Tổng công ty.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

Trong năm Công ty không triển khai các chương trình trên.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community.*

- Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

Trong năm Công ty ủng hộ kinh phí cho địa phương nơi Công ty đóng trụ sở, để chăm lo cho người dân nhân dịp tết Nguyên Đán.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ *Report on green capital market activities under the guidance of the ssc.*

Trong năm Công ty không phát sinh.

*Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/(As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).*

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững/ *Public companies are encouraged to apply the globally accepted reporting and disclosure standards in preparing their sustainability reports.*

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Reports and assessments of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses the Company's situation through every facet)***

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/ *The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Assessment of operating results***

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/*General analysis of company's operations against the previous operating targets and results. In case of failing to meet the operating results and targets, the Board of Management must clearly state the reasons and their responsibilities for such results (if any).*

**\* Thuận lợi:**

- Công ty xây dựng công trình Tân cảng thường xuyên được sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng uỷ, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty Tân cảng Sài Gòn, cùng với sự hướng dẫn và giúp đỡ của các cơ quan nghiệp vụ đặc biệt là Phòng Tài chính Tổng công ty, là chỗ dựa vững chắc, là cơ sở định hướng cho Công ty thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ năm 2022.

- Công ty có đội ngũ cán bộ, công nhân, thợ chuyên môn có trình độ tay nghề cao, nhiều kinh nghiệm đã nhiều năm gắn bó xây dựng Đơn vị. Toàn thể cán bộ, công nhân viên Công ty luôn giữ vững sự đoàn kết gắn bó đồng tâm hiệp lực, phát huy tinh thần chủ động quyết tâm xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện.

- Các công trình triển khai đều thi công đúng tiến độ, đảm bảo an toàn lao động.

- Công tác thu hồi vốn có chiều hướng tích cực, các Chủ đầu tư và đối tác hợp tác với đơn vị trong việc đối chiếu số liệu tài chính, giải ngân vốn nợ đọng.

**\* Khó khăn:**

- Năm 2022 nhìn chung hoạt động sản xuất kinh doanh mới chỉ khởi sắc trở lại từ quý II, còn trong quý I dịch Covid vẫn chưa được kiểm soát hoàn toàn, công nhân về quê nghỉ Tết phải mất thời gian để hoàn thành lại thủ tục hồ sơ ra đảo. Vì vậy, các công trường thi công cũng mới chính thức hoạt động bình thường trở lại từ Quý 2.

- Hoạt động SXKD vừa mới khởi sắc trở lại trên cả nước thì lại xảy ra xung đột giữa Nga- Ucraina gây ra bất ổn về cả về kinh tế và chính trị trên toàn thế giới. Điều này đẩy giá nguyên, nhiên, vật liệu và lạm phát thế giới tăng cao, giá xăng dầu lập kỷ lục trong mấy thập kỷ gần đây. Kinh tế khó khăn khiến nhu cầu đầu tư xây dựng sụt giảm nghiêm trọng ở trong nước... Mặt khác địa bàn thực hiện nhiệm vụ của Công ty trải rộng, phân tán từ Bắc đến Nam, từ đất liền ra hải đảo nên công tác tổ chức quản lý chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ SXKD còn gặp nhiều khó khăn. Năm 2022 Công ty tiếp tục thi công các công trình tại khu vực Cam Ranh, các công trình trên Quần đảo Trường Sa. Đặc biệt thi công các công trình trên đảo Trường Sa gặp rất nhiều khó khăn, từ việc vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thi công ra đảo đến điều kiện thi công, thời tiết mưa bão, nhưng vẫn phải đảm bảo tiến độ thi công khẩn trương gấp rút theo yêu cầu của cấp trên.

- Đầu tư xây dựng giảm mạnh, khai thác doanh thu từ đấu thầu cạnh tranh rất khó khăn. Các dự án thi công công trình thủy khản hiểm, công việc gói đầu năm sau chưa nhiều.

- Công tác thu hồi công nợ tồn đọng vẫn là vấn đề nan giải đối với các doanh nghiệp xây dựng nói chung, đối với đơn vị do quá trình quyết toán công trình phải qua nhiều cấp có thẩm quyền phê duyệt nên việc thu hồi công nợ còn chậm so với yêu cầu.

**\* Kết quả kinh doanh năm 2022**

Năm 2022 là một năm thật sự khó khăn với Cty XDCT Tân Cảng. Chúng ta chưa đạt được KHSXKD như đã đề ra nên đơn vị hoàn thành 65,7% kế hoạch SXKD. Đơn vị vẫn đảm bảo khả năng thanh toán, bảo toàn và phát triển được nguồn vốn Nhà nước.

- + Tổng doanh thu năm 2022: 279,82 tỷ đồng đạt 65,7% KH năm, giảm 15,9% so với năm 2021.
- + Lợi nhuận trước thuế năm 2022: 9,56 đồng đạt 76,8% KH năm, giảm 16,8% so với năm 2021.
- + Lợi nhuận sau thuế năm 2022: 7,64 tỷ đồng đạt 76,7% KH năm, giảm 18,9% so với năm 2021.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

**2. Tình hình tài chính/Financial Situation**

**a) Tình hình tài sản/Assets**

- Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of assets and changes in assets (analysis and assessment of the efficiency of assets usage and bad receivable debts that affect operating results):*

Tình hình tài sản trong năm cơ bản không có biến động nhiều, chủ yếu là điều chuyển 18 tài sản cố định không dùng Nguyên giá hơn 18,41 tỷ đồng về Tổng công ty trong quá trình cổ phần hoá. Nợ phải thu quá hạn nằm trong tầm kiểm soát và không ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh Công ty.

**b) Tình hình nợ phải trả/Debt Payable**

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

Tại ngày 31/12/2022, nợ phải trả giảm so với đầu năm. Trong năm không có biến động lớn về các khoản nợ phải trả.

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/*Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes.*

Trong năm Công ty không phát sinh công nợ có gốc là ngoại tệ.

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/Improvements in organizational structure, policies, and management.**

Trong năm Công ty đã sáp nhập các đội thi công, cơ giới vào các phòng để tin gọn bộ máy, tăng cường sự quản lý, điều hành và kiểm soát.

**4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/Development plans in future.**

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)/Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not unqualified).**

Không phát sinh phải giải trình, do ý kiến kiểm toán là chấp nhận toàn phần.

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công**

**ty/Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company.**

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.)*.

Trong năm Công ty không thực hiện đánh giá các chỉ tiêu về môi trường.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/*Assessment concerning the labor issues*.

Đảm bảo và chăm lo đời sống cho người lao động từ vật chất đến tinh thần, phúc lợi tốt.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/*Assessment concerning the corporate responsibility for the local community*.

Thực hiện tốt mối quan hệ với địa phương nơi Công ty có hoạt động sản xuất kinh doanh.

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/ *Assessments of the Board of Directors on the Company's operation (for joint stock companies)***

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ *Assessments of the Board of Directors on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities*.**

HDQT được bầu ngày 30/12/2022 nên chưa có số liệu và thông tin để đánh giá.

**2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/ *Assessment of Board of Directors on Board of Management s performance*.**

HDQT được bầu ngày 30/12/2022 nên chưa có số liệu và thông tin để đánh giá.

**3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ *Plans and orientations of the Board of Directors***

**V. Quản trị công ty/ *Corporate governance***

**1. Hội đồng quản trị/ *Board of Directors***

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/ *Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ *(The list of members of the Board of Directors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company, the list of independent members and other members; the list of positions that a member of the Board of Directors at the Company hold at other companies)*).

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị và tỷ lệ sở hữu cổ phần:

STT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
1	Ông Phạm Văn Tiến	Chủ tịch	36,00
2	Ông Lê Tiến Chung	Thành viên	26,35
3	Ông Nguyễn Chí Dũng	Thành viên	25,00
4	Ông Bùi Đức Thông	Thành viên	0

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/ *the committees of the Board of Directors*: (Liệt

kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*The list of the subcommittees of the Board of Directors and list of members of each subcommittee*).

Trong năm Công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Directors and specifying the number of Board of Directors meetings, their contents and results*.

Hội đồng quản trị được bầu ngày 30/12/2022 nên chưa có nội dung để đánh giá hoạt động của HĐQT.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of the Board of Directors independent members*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors' subcommittees*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the subcommittees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each subcommittee, their contents and results*).

Hội đồng quản trị được bầu ngày 30/12/2022, chưa có thành viên độc lập và các tiểu ban thuộc HĐQT nên chưa có đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT độc lập và các tiểu ban.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*the list of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. The list of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year*.

HĐQT được bầu ngày 30/12/2022 nên chưa có tham gia các chương trình về quản trị.

## 2. Ban Kiểm soát/Ủy ban kiểm toán /Board of Supervisors/Audit Committee

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/*Members and structure of the Board of Supervisors/ Audit Committee*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*The list of members of the Board of Supervisors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company*).

- Danh sách thành viên ban kiểm soát và tỷ lệ sở hữu cổ phần:

STT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
1	Ông Nguyễn Văn Tùng	Trưởng Ban kiểm soát	0
2	Ông Nguyễn Trường Giang	TV. BKS	0
3	Bà Nguyễn Bùi Phương Thảo	TV. BKS	0

- Công ty không có Ủy ban kiểm toán.

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/*Activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee, specifying the number of Board of Supervisors' / Audit Committee's meetings, their contents and results*).

Ban kiểm soát được bầu ngày 30/12/2022 nên chưa có nội dung để đánh giá hoạt động

của Ban kiểm soát..

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/ Audit Committee.**

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Nonmaterial benefits which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and explained*).

Danh sách lương, thưởng của ban điều hành:

STT	Họ tên	Chức vụ	Lương, thưởng (đồng)
1	Ông Phạm Văn Tiến	Chủ tịch	293.414.500
2	Ông Nguyễn Chí Dũng	TV. HĐQT – Giám đốc	291.276.000
3	Ông Trần Văn Sang	P. Giám đốc	295.761.000
4	Ông Phạm Đình Hưng	P. Giám đốc	228.915.000
5	Ông Nguyễn Văn Tiệp	Kế toán trưởng	196.935.000

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/*Share transactions by internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), Chief Accountant, the company's managers, secretaries, major shareholders and their affiliated persons*).

Trong năm Công ty không phát sinh giao dịch cổ phiếu của người nội bộ.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/*Contracts or transactions with internal shareholders*: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions signed or executed in the year by the members of the Board of Directors, Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), managers and affiliated persons with the Company, subsidiaries, and other companies in which the Company holds the control right*.

Trong năm Công ty không phát sinh hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/*Assessing the Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng

cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Specifying the contents which have not been implemented in accordance with the laws on corporate governance, specifying reasons and solutions to improve the efficiency of corporate governance*).

## **VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements***

### **1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions**

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty.

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements** (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ/ Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance with the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and clearly state the addresses where the financial statements of the parent company to be published and provided).

Báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C tại Hà Nội./.

#### ***Nơi nhận:***

#### ***Recipients:***

- Như trên;
- Lưu: VT, TCh. T02.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY  
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Signature, full name and seal)



**GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Chí Dũng*